

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/2012/TT-BCT

*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2012***THÔNG TƯ****Quy định Danh mục hàng hóa được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới, đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 139/2009/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Sau khi thống nhất với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới, Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng hóa được phép nhập khẩu vào nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới như sau:

Điều 1. Danh mục hàng hóa được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước CHXHCN Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới

1. Danh mục hàng hóa được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước CHXHCN Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Các mặt hàng ngoài quy định tại Thông tư này không được nhập khẩu vào nước CHXHCN Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới.

Điều 2. Hạn chế và bổ sung mặt hàng

1. Trong trường hợp cần đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng ngừa dịch bệnh qua biên giới hoặc an ninh lương thực quốc gia, Bộ trưởng Bộ Công Thương, sau khi thống nhất với các thành viên Ban Chỉ đạo Thương mại biên giới, ban hành quyết định không cho phép cư dân biên giới được nhập khẩu một số mặt hàng trong Danh mục hàng hóa được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này đối với từng địa bàn cửa khẩu hoặc từng tỉnh hoặc toàn tuyến biên giới.

2. Trong trường hợp cần thúc đẩy sản xuất hoặc cung ứng hàng hóa thiết yếu đối với đời sống hàng ngày của cư dân biên giới hoặc do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, Bộ trưởng Bộ Công Thương, sau khi thống nhất với các thành viên Ban Chỉ đạo Thương mại biên giới, ban hành quyết định cho phép cư dân biên giới được nhập khẩu và hưởng định mức miễn thuế nhập khẩu một số mặt hàng ngoài Danh mục hàng hóa được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này đối với từng địa bàn cửa khẩu hoặc từng tỉnh hoặc toàn tuyến biên giới.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013 và thay thế Thông tư số 10/2010/TT-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định hàng hóa được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới thời kỳ 2010 - 2012.

2. Trong thời gian Thông tư này chưa có hiệu lực, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2013, tiếp tục thực hiện Thông tư số 10/2010/TT-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định hàng hóa được sản xuất từ nước có chung biên giới nhập khẩu vào nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi hàng hóa cư dân biên giới thời kỳ 2010 - 2012.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Công Thương để kịp thời xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Cẩm Tú

Phụ lục
DANH MỤC HÀNG HÓA ĐƯỢC SẢN XUẤT TỪ NƯỚC CÓ CHUNG
BIÊN GIỚI NHẬP KHẨU VÀO NƯỚC CHXNCN VIỆT NAM
DƯỚI HÌNH THỨC MUA, BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA
CƯ DÂN BIÊN GIỚI

*(Kèm theo Thông tư số 42/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

STT	Mã HS		Mô tả hàng hóa
1	03.01		Cá sống
2	03.05		Cá, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; cá hun khói, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói; bột mịn, bột thô và bột viên làm từ cá, thích hợp dùng làm thức ăn cho người
3	07		Rau và một số loại củ, thân củ và rễ ăn được
4	08		Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa
5	10.05		Ngô
6	10.06		Lúa gạo
7	11.01	00 10	Bột mỳ
8	12.01		Đậu tương, đã hoặc chưa vỡ mảnh
9	12.02		Lạc chưa rang, hoặc chưa làm chín cách khác, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc vỡ mảnh
10	12.07	40 00	Hạt vừng
11	13.01		Nhựa cánh kiến đỏ; gôm tự nhiên, nhựa cây, nhựa gôm và nhựa dầu (ví dụ, nhựa thơm từ cây balsam)
12	14.01		Nguyên liệu thực vật chủ yếu dùng để tết bện (như: tre, song, mây, sậy, liễu gai, cây bắc, cọ sợi, đã rửa sạch, chuối hoặc các loại rơm, rạ ngũ cốc đã tẩy hoặc nhuộm và vỏ cây đoạn)
13	19.02	30	Mì, bún làm từ gạo ăn liền; Miến; Mi ăn liền
14	20.08	19 10	Hạt điều
15	25.01	00 10	Muối ăn
16	25.05		Các loại cát tự nhiên, đã hoặc chưa nhuộm màu, trừ cát chứa kim loại thuộc Chương 26

STT	Mã HS		Mô tả hàng hóa
17	25.23		Xi măng Portland, xi măng nhôm, xi măng xỉ (xốp), xi măng super sulphat và xi măng chịu nước (xi măng thủy lực) tương tự, đã hoặc chưa pha màu hoặc ở dạng clanhke
18	27		Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chung cất từ chúng; các chất chứa bi tum; các loại sáp khoáng chất
19	31		Phân bón
20	40.01		Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa két, nhựa cây cóc cao su, nhựa cây họ sacolasea và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải
21	42.02	12	Cặp, túi đeo vai cho học sinh
22	44		Các mặt hàng bằng gỗ
23	62.09		Quần áo may sẵn và phụ kiện may mặc cho trẻ em
24	64.01		Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc plastic, mũ giày, dép không gắn hoặc lắp ghép với đế bằng cách khâu, tán đinh, xoay ốc, cắm đế hoặc các cách tương tự
25	68.01	00 00	Các loại đá lát, đá lát lề đường và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến)
26	69.02		Gạch, gạch khối, ngói chịu lửa và các loại vật liệu xây dựng bằng gốm chịu lửa tương tự, trừ các sản phẩm làm bằng bột silic hóa thạch hoặc đất silic tương tự
27	73.08		Các kết cấu bằng sắt hoặc thép (trừ nhà lắp ghép thuộc nhóm 94.06) và các bộ phận rời của các kết cấu (ví dụ: cầu và nhịp cầu, cửa cống, tháp, cột lưới, mái nhà, khung mái, cửa ra vào, cửa sổ, và các loại khung cửa, ngưỡng cửa ra vào, cửa chớp, lan can, cột trụ và các loại cột khác) bằng sắt hoặc thép; tấm, thanh, góc, khuôn, hình ống và các loại tương tự, đã được gia công để dùng làm kết cấu xây dựng, bằng sắt hoặc thép

STT	Mã HS	Mô tả hàng hóa
28	82.01	Dụng cụ cầm tay, gồm: mai, xẻng, cuốc chim, cuốc, dụng cụ xới và làm tơi đất, chĩa và cào; rìu, câu liềm và các dụng cụ tương tự dùng để cắt chặt; kéo cắt cây và kéo tia cây các loại; hái, liềm, dao cắt cỏ, kéo tia xén hàng rào, cái nôm gỗ và các dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp, làm vườn hoặc trong lâm nghiệp
29	82.15	Thìa, đĩa, muôi, thìa hớt kem, hớt bọt, đồ xúc bánh, dao ăn cá, dao cắt bơ, kẹp gấp đường và các loại đồ dùng nhà bếp hoặc bộ đồ ăn tương tự
30	85.07	Ắc quy điện, kể cả tấm vách ngăn của nó, hình chữ nhật hoặc hình khác (kể cả hình vuông)
31	85.36	Cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, đui đèn và các đầu nối khác, hộp đầu nối
32	85.39	Đèn điện dây tóc hoặc đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; đèn hồ quang
33	85.44	Dây, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối
34	96.08	Bút bi; bút phớt và bút phớt có ruột khác và bút đánh dấu; bút máy, bút máy ngòi ống và các loại bút khác; bút viết giấy nhân bản (duplicating stylos); các loại bút chì bấm hoặc bút chì đẩy; quản bút mực, quản bút chì, các loại quản bút tương tự; bộ phận (kể cả nắp và kẹp bút) của các loại bút kể trên, trừ các loại thuộc nhóm 96.09
35	96.09	Bút chì (trừ các loại bút chì thuộc nhóm 96.08), bút màu, ruột chì, phấn màu, than vẽ, phấn vẽ hoặc viết và phấn thợ may